

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chuyển số lượng (lần 24) các mặt hàng trúng thầu
Gói thầu số 01: Thuốc theo tên generic

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/05/2016 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Thuốc theo tên generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu và các vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017;

Xét đề nghị của các đơn vị về việc điều chuyển số lượng các mặt hàng trúng thầu của gói thầu số 01: Thuốc theo tên generic thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, dược liệu và các vị thuốc cổ truyền sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ dược Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển (lần 2) số lượng 38 mặt hàng trúng thầu gói thầu số 01: Thuốc theo tên generic (Đính kèm phụ lục các mặt hàng, số lượng trước điều chuyển và sau điều chuyển của các đơn vị).

Điều 2. Các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các đơn vị); các nhà thầu có mặt hàng trúng thầu được điều chuyển (lần 24) tại Điều 1 căn cứ vào Quyết định này để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các đơn vị và các nhà thầu có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Website SYT (đăng tải);
- BHXH tỉnh (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, NVD.

GIÁM ĐỐC ✓



Phan Huy Anh Vũ

PHỤ LỤC
DANH MỤC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU ĐIỀU CHUYỂN (LẦN 24)
GÓI THẦU SỐ 01: THUỐC THEO TÊN GENERIC

(Đính kèm Quyết định số 1126 /QĐ-SYT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Giám đốc Sở Y tế)
SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
1	1611	TP0748 01	Mesalazin	500mg	Viên rên bao phim tan trong ruột	SAVI MESALAZINE 500	VD-17946-12	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	VIỆT NAM	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên	8,000	Công ty TNHH dược phẩm An	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															200,000	5,000	195,000	3,000	5,000	8,000
2	1851	TPA09 7301	Budesoni d	500mc g/2ml	Dung dịch	PULMICORT RESPULES 500MC G/2ML 20'S	VN-19559-16	ASTRAZENECA AB	THỤY ĐIỂN	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Ống	13,834	công ty cổ phần dược liệu trung ương 2	1188/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															8,000	2,000	6,000	12,000	2,000	14,000
3	895	TV096 102	Amitriptylin (hydroclorid)	25mg	Viên bao phim	AMITRIPTYLIN 25MG	VD-17829-12	CÔNG TY CP DƯỢC DANAPHA	VIỆT NAM	Hộp 1 lọ x 100 viên bao phim	Viên	230	Công ty cổ phần Dược Danapha	975/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															20,000	10,000	10,000	40,000	10,000	50,000
4	453	TP0176 01	Cefpirom	1g	bột pha tiêm	MINAT A INJ. 1G	VN-16740-13	KYONGBOPHARM	KOREA	Hộp 5 lọ	Lọ	144,000	Công ty TNHH dược phẩm Tự Đức	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															21,000	2,000	19,000	4,000	2,000	6,000
5	452	TP0170 01	Cefmetazol	1g	thuốc bột pha tiêm	KYONGBOCFME TAZOLE INJ. 1G	1622/QLD-KD	KYONGBOPHARMACEUTICAL	KOREA	Hộp 10 lọ	Lọ	87,000	Công ty TNHH dược phẩm Tự Đức	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỐNG NHẤT ĐỒNG NAI		
															27,000	2,000	25,000	12,000	2,000	14,000

STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1008	TPA09 8301	Terbutalin	0,5mg	Dung dịch tiêm	BRICANYL INJ. 0.5MG/ML 5'S	VN-20227-17	CENEXI	PHÁP	Hộp 5 ống x 1ml	Ông	11,990	công ty cổ phần dược liệu trung ương 2	975/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			
														2,000	100	1,900	0	100	100	
768	TV056 701	Kali clorid	10%; 10ml	Dung dịch tiêm	KALI CLORID KABI 10%	VD-19566-13	CÔNG TY CỔ PHẦN FRESenius KABI BIDIPHAR	VIỆT NAM	Hộp 50 ống x 10ml dung dịch thuốc	Ông	2,100	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÔNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			
														20,000	400	19,600	560	400	960	
1134	TPA01 1902	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	1mg/1 ml; 4ml	dung dịch tiêm truyền	LEVONOR 4MG/4 ML	VN-20117-16	WARSAW	POLAND	Hộp 5 ống	Ông	56,600	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CPC1	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			
														4,800	500	4,300	250	500	750	
1414	TP0189 01	Meropenem	0,5g	bột pha tiêm	MAXPENEM 500MG INJ	VN-12402-11	JW PHARMACEUTICAL CORPORATION	HÀN QUỐC	Hộp 10 lọ	Lọ	110,000	Công ty TNHH dược phẩm và TTB y tế HD	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÔNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			
														9,700	300	9,400	300	300	600	
1428	TPA01 8901	Meropenem	0,5g	bột để pha dung dịch tiêm, tiêm truyền	MEROPENEM KABI 500MG	VN-20246-17	FACTA FARMACEUTICI S.P.A	ITALY	hộp 10 lọ	Lọ	148,900	Liên danh công ty CP TTBYT - DP Hiệp Nhất và Công ty TNHH Nova Pharma	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÔNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			
														4,800	200	4,600	200	200	400	
882	TV105 706	Vitamin C	250mg	Viên	VITAMIN C 250MG	VD-15131-11	CÔNG TY CPDP CỬU LONG	VIỆT NAM	Hộp 10 vỉ * 10 viên nén dài bao phim	Viên	115	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	975/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			
														180,000	20,000	160,000	45,000	20,000	65,000	

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
12	1731	TV105601	Vitamin B12 (Cyanocobalamin, Hydroxocobalamin)	1000mcg/ml	Bột/dung dịch/hỗn dịch pha tiêm	VITAMIN B12 IMG/M L	VD-23606-15	CÔNG TY CPDP MINH DÂN	VIỆT NAM	Hộp 100 ống x 1ml	Ông	494	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	975/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH		
															4,800	1,200	3,600	4,700	1,200	5,900
13	699	TV065902	Furosemi d	40mg	viên nén	VINZIX	VD-15672-11	VINPHACO	VIỆT NAM	Hộp 5 vỉ x 50 viên nén	Viên	120	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÔNG NHẤT ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH		
															490,000	10,000	480,000	60,000	10,000	70,000
14	793	TV102105	Natri clorid	0,9%; 500ml	Dung dịch tiêm truyền	NATRI CLORID 0,9%	VD-21954-14	CÔNG TY CỔ PHẦN FRESENIUS KABI BIDIPHAR	VIỆT NAM	Thùng 20 chai x 500ml dung dịch	Chai	6,510	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH		
															520,000	15,000	505,000	82,000	15,000	97,000
15	1104	TV013601	Phenobarbital	100mg	viên nén	PHENOBARBITAL 0,1G	VD-14999-11 (CÔNG VÂN GIA HẠN SÓ 13680/QLĐ-ĐK NGÀY HẾT HẠN 18/07/2017)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDIPHA	VIỆT NAM	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén, chai 300 viên nén	Viên	226	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG 2			BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH		
															520,000	1,000	519,000	4,500	1,000	5,500
16	247	TPA053102	Carvedilol	6,25mg	Viên nén	CYPDICAL 6,25 TABLETS	VN-18254-14	REMEDICAL LTD	CYPRUS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3,400	Công ty TNHH dược phẩm Song Việt	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															300,000	30,000	270,000	6,000	30,000	36,000
17	1476	TK041201	Alfuzosin	10mg	Viên	FLOTRAL	VN-10522-10 (ĐƯỢC GIA HẠN ĐẾN 20/04/2018)	SUN PHARMACEUTICAL INDUSTRIES LTD	INDIA	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	7,329	Công ty cổ phần Hồng Danh	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															190,000	14,000	176,000	40,000	14,000	54,000

STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
1652	TV057401	Panax notoginseng saponins	50mg	Viên nén bao phim	ASAKO YA	VD-23738-15	CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPLANT EX	VIỆT NAM	Hộp 02 vi x 12 viên nén	Viên	5,900	Liên danh CTCP đầu tư phát triển Seaphaco và CTCP được Trung ương Mediplantex	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														400,000	10,000	390,000	10,000	10,000	20,000	
963	TPA046901	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	6%, 500ml	Dung dịch truyền	VOLULYTE IV 6% 1'S	VN-19956-16	FRESENIUS KABI DEUTSCHLAND GMBH	ĐỨC	Túi Polyolefine (freeflex x 500ml)	Túi	91,000	công ty cổ phần dược liệu trung ương 2	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														1,500	50	1,450	10	50	60	
115	TV062901	Xanh methylen + Tim gentian	400mg + 50mg, 20ml	Dung dịch	DUNG DỊCH MILIAN	VD-18977-13	CN CTCP DP OPC tại Bình dương-nhà máy dược phẩm OPC	VIỆT NAM	Hộp 1 chai 20ml	Chai	10,500	Công ty cổ phần dược phẩm OPC	975/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														2,000	100	1,900	350	100	450	
83	TPA013202	Gabapentin	100mg	Viên nang	REMEBENTIN 100	VN-9825-10 (CV GIA HẠN 13982/QLD-ĐK 26/07/2016)	REMEDICA LTD	CYPRUS	Hộp/05 vi x 10 viên	Viên	3,100	Công ty TNHH dược phẩm Nhất Anh	975/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														20,000	20,000	0	30,000	20,000	50,000	
1803	TP051801	Nicardipin	10mg/10ml	DD tiêm truyền TM	NICARDIPINE AGUETTANT 10MG/10ML	VN-19999-16	LABORATOIRE AGUETTANT	PHÁP	Hộp 10 ống x 10ml	Ống	124,999	Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	1110/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														400	50	350	50	50	100	

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
23	1501	TV003004	Diclofenac	50mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	DICLOFENAC	VD-25528-16	Công ty Cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	VIỆT NAM	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim	Viên	74	Công ty Cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	975/QĐ-SYT	LỮ ĐOÀN 26			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															250,000	100,000	150,000	55,000	100,000	155,000
24	1327	TV006901	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin	5mg + 3mg	Viên	HORNO L	VD-16719-12	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	VIỆT NAM	Hộp/3 vỉ x 10 viên, Hộp/9 vỉ x 10 viên	Viên	3,790	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															410,000	50,000	360,000	48,000	50,000	98,000
25	159	TV033602	Flunarizin	5mg	Viên nang cứng	BRIKORIZIN	VD-21797-14	XÍ NGHIỆP DƯỢC PHẨM 150	VIỆT NAM	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	275	Công ty cổ phần Armephaco	975/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															150,000	10,000	140,000	12,000	10,000	22,000
26	1335	TV052601	Telmisartan	40mg	Viên	ZHEKOF	VD-21070-14	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	VIỆT NAM	Hộp/3 vỉ x 10 viên	Viên	660	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	975/QĐ-SYT	LỮ ĐOÀN 26			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															2,000	2,000	0	0	2,000	2,000
27	1383	TV050402	Imidapril	5mg	Viên	IMIDAGIL 5	VD-14668-11	AGIMEXPHARM	VIỆT NAM	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1,020	Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															200,000	30,000	170,000	0	30,000	30,000
28	1575	TP022702	Ciprofloxacin	500mg	Viên	SCANA X 500	VD-22676-15	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH STADA-VIỆT NAM	VIỆT NAM	Hộp 5 vỉ x 10 viên nén bao phim	Viên	700	Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy	975/QĐ-SYT	LỮ ĐOÀN 26			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ		
															50,000	20,000	30,000	0	20,000	20,000

STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển			Ghi chú
														Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	
382	TT022701	Ciprofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	OPECIPRO 500	VD-21676-14	CTY CP DP OPV	VIỆT NAM	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	2,418	Công ty TNHH DP Thái Tú	975/QĐ-SYT	LỮ ĐOÀN 26			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														30,000	20,000	10,000	58,000	20,000	78,000	
1539	TV049101	Amlodipin	5mg	Viên nén	KAVAS DIN 5	VD-20761-14	Công ty Cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	VIỆT NAM	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	Viên	86	Công ty Cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	975/QĐ-SYT	LỮ ĐOÀN 26			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														100,000	100,000	0	70,000	100,000	170,000	
1333	TV048501	Ivabradin	5mg	Viên	NISTEN	VD-20362-13	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐẠT VI PHÚ	VIỆT NAM	Hộp/2 vỉ x 14 viên	Viên	3,139	CÔNG TY CỔ PHẦN GON SA	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														240,000	20,000	220,000	12,000	20,000	32,000	
236	TT051201	Losartan	50mg	Viên	LOSARTAN STADA 50MG	VD-20373-13	CÔNG TY TNHH LD STADA-VIỆT NAM	VIỆT NAM	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	2,050	Công ty TNHH một thành viên San Ta Việt Nam	975/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														50,000	20,000	30,000	31,000	20,000	51,000	
1730	TV076502	Dexamethason	4mg/1ml	Bột/dung dịch/hỗn dịch pha tiêm	DEXAMETHASON	VD-25716-16	CÔNG TY CPDP MINH DÂN	VIỆT NAM	Hộp 10 ống 1ml	Ống	838	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM MỸ			
														5,000	100	4,900	60	100	160	
1250	TT054001	Clopidogrel	75mg	viên nén bao phim	INFARTAN 75	VD-25233-16	CTY CPDP OPV	VIỆT NAM	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén	Viên	3,390	Liên danh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Phát - Việt	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH			
														1,150,000	20,000	1,130,000	20,000	20,000	40,000	

STT	STT trong Danh mục trúng thầu	Mã số thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng, dạng bào chế	Tên thương mại	Số đăng ký /GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu (có VAT)	Tên nhà thầu trúng thầu	Quyết định TT số	Đơn vị điều chuyển			Đơn vị nhận điều chuyển		
															Số lượng trước điều chuyển	Số lượng điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển	Số lượng trước điều chuyển	Số lượng được điều chuyển	Số lượng sau điều chuyển
35	1127	TPA000202	Bupivacain (hydroclorid)	0,5%; 4ml	Dung dịch tiêm tủy sống	BUPIVACAINE FOR SPINAL ANAESTHESIA AGUETTANT 5MG/ML	VN-18612-15	AGUETTANT	FRANCE	Hộp 20 ống	Ông	37,250	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương CPC1	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÔNG NHẤT ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NHƠN TRẠCH		
															30,000	200	29,800	0	200	200
36	850	TP080001	Gliclazid	30mg	Viên nén giải phóng có kiểm soát	GOLDDICRON	VN-18660-15	VALPHARM AINTERNATIONAL S.P.A	ITALY	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Viên	2,730	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận (Phapharco)	975/QĐ-SYT	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN XUÂN LỘC			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM		
															40,000	20,000	20,000	0	20,000	20,000
37	1209	TT080002	Gliclazid	80mg	Viên	GLYCINORM 80	VN-19676-16	IPCA LABORATORIES LTD	INDIA	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén	Viên	2,800	Công ty cổ phần dược TBYT Đà Nẵng	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM		
															50,000	50,000	0	100,000	50,000	150,000
38	855	TV098904	Bromhexin (hydroclorid)	4mg/5ml; 5ml	Siro uống	DOSULVON	VD-13949-11	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	VIỆT NAM	gói 5ml	Gói	2,877	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận (Phapharco)	975/QĐ-SYT	BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÔNG NHẤT ĐỒNG NAI			TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRẢNG BOM		
															20,000	20,000	0	5,000	20,000	25,000

Tổng cộng: 38 mặt hàng